

Bản án số: 74/2026/HS-PT
Ngày: 25 - 3 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Công Bình;
2. Ông Lê Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Biện Tấn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 354/2025/TLPT-HS ngày 03/12/2025 đối với các bị cáo Hồ Kim T, Hồ Xuân T1, Lê Thị Kim M. Do có kháng cáo của các bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 21/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hồ Kim T, sinh ngày 04/9/1967 tại tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk); Nơi cư trú: Thôn L, xã S, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Kim T2, sinh năm 1926 và con bà Phan Thị H, sinh năm 1936 (Đều đã chết); Bị cáo có vợ là Trần Thị T3, sinh năm 1960 và có 02 con, con lớn sinh năm 1995 (đã chết), con nhỏ sinh năm 2000; Tiền án: Không; Tiền sự: không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 20/2012/HS-PT ngày 29/02/2012, của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội: “Cố ý gây thương tích” (Bị cáo đã chấp hành xong và được xóa án tích).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

2. Hồ Xuân T1, sinh ngày 21/3/1974 tại tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk); Nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Kim T2, sinh năm 1926 và con bà Phan Thị H, sinh năm 1936 (Đều

đã chết); Bị cáo có vợ là Lê Thị Kim M, sinh năm 1984 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Thị Kim M, sinh ngày 15/5/1984 tại tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk); Nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Kim S, sinh năm 1953 và con bà Đỗ Thị T4, sinh năm 1955; Bị cáo có chồng là Hồ Xuân T1, sinh năm 1974 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án: Không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại có kháng cáo: Ông Hồ Kim G, sinh năm 1974, Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 1984, vợ chồng ông Hồ Kim T2, bà Phan Thị H cùng một số người con (trong đó có Hồ Kim T, Hồ Kim G, Hồ Xuân T1) đến vùng kinh tế mới thuộc thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn Đ, xã S, tỉnh Đắk Lắk) khai hoang đất để canh tác. Trong quá trình sống cùng cha mẹ, do một số người con khác đã chuyển đi nơi khác sinh sống nên ông G được giao quản lý, sử dụng diện tích đất đã khai hoang; ngoài ra ông G còn nhận chuyển nhượng thêm phần diện tích đất ở lân cận và tự khai hoang thêm đất để canh tác. Ngày 02/02/2004, ông G được Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R266678 với tổng diện tích 54.858m² gồm các thửa số 69 (có diện tích 18.719m²), thửa số 86 (có diện tích 27.369m²) và thửa số 90 (có diện tích 12.370m²) thuộc tờ Bản đồ 49A, nay thuộc thôn Đ, xã S, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, từ tháng 8/2004 đến năm 2009, ông G mua nhiều cây Xà Cừ và cây giống khác về trồng trên thửa đất số 86 và số 90. Vào năm 2007, ông T2 không đồng ý việc Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G đối với phần diện tích đất mà ông T2 để cho ông G sử dụng nên ông khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện; Ngày 20/12/2010, Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) ban hành Quyết định số 2233/QĐ-UB thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R266678 ngày 02/02/2004 của Ủy ban nhân dân huyện T. Ông G không đồng ý việc này nên khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (cũ) yêu cầu hủy Quyết định số 2233/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện T. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 01/2012/HC-PT ngày 17/5/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên tuyên xử: Hủy Quyết định số 2233/QĐ-UB ngày 20/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện T. Bản án không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

Khoảng năm 2011, gia đình ông G chuyển đến nơi khác sinh sống (do thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với ông T2) thì ông T2, ông T chiếm giữ tài sản trên các

thửa đất số 86, 90 và nhiều lần gây thiệt hại đến tài sản trên đất của ông G; Sau đó, ông G khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (cũ) giải quyết tranh chấp và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 14/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (cũ) và bản án dân sự phúc thẩm số 105/2021/DS-PT ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (cũ) quyết định: Công nhận tài sản trên các thửa đất số 86 và 90 (có toàn bộ cây Xà Cừ tái sinh năm 2017 do ông G trồng) thuộc quyền sở hữu của ông G, buộc ông T2 và ông T phải bồi thường giá trị tài sản mà ông T2 và ông T đã gây thiệt hại. Sau đó, ông T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao đã có Công văn trả lời không có căn cứ để kháng nghị.

Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự trên, ông T, ông Hồ Xuân T1 đều tham gia các phiên tòa và biết được kết quả giải quyết; Bà Lê Thị Kim M dù không có mặt tại tất cả các phiên tòa nhưng biết rõ kết quả giải quyết là Tòa án đã công nhận số cây Xà Cừ tái sinh trên các thửa số 86 và 90 thuộc quyền sở hữu của ông G nhưng trong thời gian từ tháng 10 đến tháng 12/2021, ông T liên tục, nhiều lần bảo vợ chồng ông T1, bà M đến chặt phá toàn bộ số cây Xà Cừ tái sinh của ông G, vợ chồng ông T1, bà M đồng ý nên nhiều lần mang cưa máy và rựa đến thửa đất số 86 chặt phá 318 cây Xà Cừ tái sinh của ông G, cụ thể: vào ngày 12/10/2021, T1 và M chặt phá 67 cây; ngày 03/12/2021, chặt phá 148 cây; ngày 27/12/2021, chặt phá 103 cây. Mỗi lần T1 và M đến chặt phá cây thì ông G đã phát hiện, báo cáo Cơ quan Công an đến giải quyết, không cho những người này chặt phá cây nhưng T, T1, M vẫn tiếp tục thực hiện. Đến ngày 28/12/2021, T tiếp tục chỉ đạo T1 đến thửa đất số 90 cưa hạ 01 cây Xà Cừ của ông G trồng vào năm 2004, T1 đồng ý nên sáng ngày 29/12/2021, T1 mang cưa máy đến cưa hạ cây rồi chia thành nhiều đoạn gỗ bỏ tại thửa đất. Ông G phát hiện nên báo cáo Công an xã S (cũ) đến lập biên bản sự việc, tạm giữ toàn bộ 1,143 m³ gỗ và 01 ster củi (gỗ thông thường nhóm V). Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 04/4/2022, Hội đồng định giá tài sản huyện T (cũ) kết luận: 318 cây Xà Cừ tái sinh có trị giá 4.269.300 đồng; 1,143m³ gỗ Xà Cừ và 01 ster củi Xà Cừ trị giá 3.048.950 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 7.318.250 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 21/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hồ Kim T, Hồ Xuân T1, Lê Thị Kim M phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017). Xử phạt bị cáo Hồ Kim T 01 (một) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017). Xử phạt bị cáo Hồ Xuân T1 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm h, i khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim M 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 31/10/2025 các bị cáo Hồ Kim T, Hồ Xuân T1 và Lê Thị Kim M có đơn kháng cáo với các nội dung:

Bị cáo Hồ Kim T kháng cáo toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 21/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – tỉnh Đắk Lắk vì xét xử sai căn cứ pháp luật, xác định sai khách thể tội phạm, căn cứ vào các bản án dân sự có sai phạm nghiêm trọng và bỏ qua chứng cứ thật, gây oan sai cho bị cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra, xác minh lại thực địa và nguồn gốc đất thật, tuyên các bị cáo Hồ Kim T, Hồ Xuân T1 và Lê Thị Kim M vô tội, buộc các cơ quan, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm.

Bị cáo Hồ Xuân T1 kháng cáo toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 21/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – tỉnh Đắk Lắk vì xét xử sai căn cứ pháp luật, xác định sai khách thể tội phạm và sai chủ thể quyền sử dụng đất dẫn đến tuyên án oan sai. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra lại, tuyên các bị cáo Hồ Xuân T1 và Lê Thị Kim M vô tội.

Bị cáo Lê Thị Kim M kháng cáo toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 21/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – tỉnh Đắk Lắk vì xét xử sai căn cứ pháp luật, xác định sai khách thể và đối tượng tài sản, không có đất thực tế, giấy chứng nhận cấp sai nên không có tài sản thật để bị hủy hoại, suy luận trái pháp luật về quyền sử dụng đất, không đo đạc xác minh thực địa, không giám định ranh giới, không đưa UBND huyện, xã vào tham gia tố tụng, vi phạm tố tụng nghiêm trọng, dùng bản án dân sự sai làm căn cứ hình sự. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra lại để xác minh đất thực tế và nguồn gốc sử dụng, tuyên các bị cáo Hồ Xuân T1 và Lê Thị Kim M vô tội.

Ngày 03/11/2025, bị hại ông Hồ Kim G kháng cáo bản án sơ thẩm về áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Hồ Kim T là quá nhẹ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tăng nặng hình phạt đối với bị cáo T với lý do bị cáo T không ăn ăn hối cải, không có tình tiết giảm nhẹ và có tiền án trước đó.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hồ Kim T, Huỳnh Xuân T5, Lê Thị Kim M và bị hại ông Hồ Kim G vẫn giữ nguyên các nội dung kháng cáo như trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Hồ Kim T, Huỳnh Xuân T5, Lê Thị Kim M về tội “*Hủy hoại tài sản*” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên,

Tòa án cấp sơ thẩm, chưa xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Hồ Kim T, Hồ Xuân T1 theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật hình sự, cụ thể gồm: Bị cáo Hồ Kim T cần xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bởi trong vụ án này bị cáo có nhân thân xấu nhưng đã được xóa án tích, lần phạm tội này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, giá trị tài sản hủy hoại không lớn, vì vậy bị cáo Hồ Kim T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo T1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều Bộ luật hình sự. Đối với kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt của bị hại, thấy rằng mức độ thiệt hại do hành vi hủy hoại tài sản của bị cáo T là không lớn nên xét yêu cầu kháng cáo của bị hại đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo T là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Xét nội dung kháng cáo kêu oan của các bị cáo Hồ Kim T, Hồ Xuân T1 và Lê Thị Kim M là không có cơ sở. Tuy nhiên, các bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu trên, bị cáo T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới, đối với bị cáo T1 đóng vai trò thứ yếu, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt đủ điều kiện được hưởng án treo theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về án treo, mức hình phạt đối với bị cáo M mà cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, T1 và bị cáo M về nội dung kháng cáo kêu oan và kháng cáo của bị hại G về việc đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T.

Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm h, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017). Xử phạt bị cáo Hồ Kim T 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm h, i khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017). Xử phạt bị cáo Hồ Xuân T1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim M 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Giữ nguyên nội dung tuyên tại Bản án hình sự sơ thẩm.

* Các bị cáo tranh luận:

- Bị cáo Hồ Kim T cho rằng các cây xà cừ nằm trên phần đất có tranh chấp, quyền sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền cấp cho bị hại ông G không hợp pháp. Việc điều tra, truy tố và xét xử căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất được cấp cho bị hại ông G vào năm 2004 và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới được cấp cho ông G tại thửa đất mới là thửa số 78, tờ bản đồ số 43 và thửa số 202 tờ bản đồ số 42 theo các bản án dân sự đã xét xử làm căn cứ buộc tội là không có căn cứ. Các thửa đất trên có nguồn gốc do ông Hồ Kim T2 là cha đẻ của bị cáo T khai hoang làm kinh tế mới của hộ gia đình và được kê khai hợp pháp tại các thửa 69,86,90 là đất trồng màu. Các cấp chính quyền huyện T cũ đã lợi dụng số tờ, số thửa trùng nhau (86,90) giữa bản mục kê 1998 và giấy cấp đất 2004 để ghép sai dữ liệu, biến đất mục kê năm 1998 đất xã quản lý nguồn gốc là đất của ông Hồ Kim T2 trên giấy cho ông Hồ Kim G, thực tế ông G không có đất trên sơ đồ địa chính. Vì vậy, hành vi của các bị cáo không cấu thành tội hủy hoại tài sản, các bị cáo chỉ tiến hành dọn dẹp rẫy là các cây xà cừ trên phần diện tích đất có nguồn gốc của ông Hồ Kim T2 là cha đẻ của các bị cáo T và T1.

- Các bị cáo Hồ Xuân T1 và Lê Thị Kim M đều có nội dung tranh luận giống như bị cáo T đã tranh luận và không trình bày gì thêm.

* Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Sự việc tranh chấp đất giữa ông Hồ Kim T2 (là cha của các bị cáo T và T1) với ông Hồ Kim G (là em, anh của các bị cáo) tại các thửa đất số 86, 90 tờ bản đồ số 49A tại thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn Đ, xã S, tỉnh Đắk Lắk) đã được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (cũ) giải quyết bằng Bản án số 12/2020/DS-ST ngày 14/10/2020 và Bản án phúc thẩm số 105/2021/DS-PT ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (cũ). Các bị cáo đều biết kết quả giải quyết là quyền sử dụng đất không thuộc về ông Hồ Kim T2 là cha đẻ các bị cáo T và T1, bị cáo M là người trong gia đình (vợ bị cáo T1) cũng biết nội dung các bản án trên thuộc quyền sở hữu của ông G và buộc ông T2, ông T phải bồi thường giá trị tài sản mà ông T2, ông T đã gây thiệt hại. nhưng vẫn không chấp hành các phán quyết của bản án đã có hiệu lực. Trong các lần các bị cáo T1 và M chặt cây Xà Cừ đều bị cơ quan chức năng đến làm việc, yêu cầu dừng việc hủy hoại tài sản nhưng các bị cáo không chấp hành mà tiếp tục thực hiện hành vi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh Hủy hoại tài sản là hoàn toàn có căn cứ vì vậy đại diện Viện kiểm sát không tranh luận thêm.

Các bị cáo giữ nguyên ý kiến tranh luận bào chữa; bị hại không tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm các bị cáo Hồ Kim T, Hồ Xuân T1 và Lê Thị Kim M đều thừa nhận có hành vi như sau: Trong thời gian từ tháng 10 đến tháng 12/2021, bị cáo T đã nhiều lần nói vợ chồng bị cáo T1 và M đến chặt phá toàn bộ số cây Xà Cừ tái sinh trên các thửa đất 86,90. Bị cáo T1 và M đã đồng ý nên nhiều lần mang cưa máy và rựa đến thửa đất số 86 chặt phá 318 cây Xà Cừ tái sinh trên các thửa đất nêu trên. Cụ thể: Vào ngày 12/10/2021, T1 và M chặt phá 67 cây; ngày 03/12/2021, chặt phá 148 cây; ngày 27/12/2021, chặt phá 103 cây. Mỗi lần T1 và M đến chặt phá cây thì ông G đã phát hiện, báo cáo Cơ

quan Công an đến giải quyết, không cho những người này chặt phá cây nhưng các bị cáo T, T1, M vẫn tiếp tục thực hiện. Đến ngày 28/12/2021, T tiếp tục chỉ đạo T1 đến thửa đất số 90 cửa hạ 01 cây Xà Cừ trồng vào năm 2004, T1 đồng ý nên sáng ngày 29/12/2021, T1 mang cửa máy đến cửa hạ cây rồi chia thành nhiều đoạn gỗ bỏ tại thửa đất. Ông G phát hiện nên đã cáo Công an xã S lập biên bản và tạm giữ toàn bộ 1,143 m³ gỗ và 01 Ster củi.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cho rằng các cây xà cừ tái sinh mà các bị cáo chặt phá trên các thửa đất số 86 và 90 nêu trên là nằm trên phần đất có tranh chấp, quyền sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền cấp cho bị hại ông G là không hợp pháp, mà các thửa đất trên có nguồn gốc do ông Hồ Kim T2 là cha đẻ của bị cáo T khai hoang làm kinh tế mới của hộ gia đình và được kê khai hợp pháp tại các thửa 69,86,90 là đất trồng màu. Do đó, hành vi của các bị cáo không cấu thành tội Hủy hoại tài sản như bản án sơ thẩm đã tuyên, các bị cáo chỉ chặt phá dọn dẹp rẫy trên phần diện tích đất của cha mình là ông Hồ Kim T2 để lại từ xưa để canh tác đất.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Sự việc tranh chấp đất giữa ông Hồ Kim T2 (là cha của các bị cáo T và T1) với ông Hồ Kim G (là em, anh của các bị cáo) tại các thửa đất số 86, 90 tờ bản đồ số 49A tại thuộc thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn Đ, xã S, tỉnh Đắk Lắk) đã được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (cũ) giải quyết bằng Bản án số 12/2020/DS-ST ngày 14/10/2020 và Bản án phúc thẩm số 105/2021/DS-PT ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (cũ). Các bản án trên đã tuyên công nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với hai thửa đất nói trên thuộc quyền sở hữu của ông G và buộc ông T2, ông T phải bồi thường giá trị tài sản mà ông T2, ông T đã gây thiệt hại. Các bản án trên đã có hiệu lực pháp luật thi hành, quá trình giải quyết vụ kiện dân sự tại các bản án dân sự nêu trên thì bị cáo Hồ Kim T, bị cáo Hồ Xuân T1 đều là đương sự tham gia tố tụng trong vụ án, bị cáo Lê Thị Kim M em dâu trong gia đình đều nghe và biết được kết quả xét xử đã tuyên các tài sản tại thửa đất 86,90 không thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình nhưng vẫn không chấp hành các phán quyết của bản án đã có hiệu lực. Ngoài ra, trong các lần các bị cáo T1 và M chặt cây Xà Cừ đều bị cơ quan chức năng đến làm việc, yêu cầu dừng việc hủy hoại tài sản nhưng các bị cáo không chấp hành mà tiếp tục thực hiện hành vi.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 04/4/2022, Hội đồng định giá tài sản huyện T (cũ) kết luận: 318 cây Xà Cừ tái sinh có trị giá 4.269.300 đồng; 1,143m³ gỗ Xà Cừ và 01 ster củi Xà Cừ trị giá 3.048.950 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 7.318.250 đồng.

Với hành vi và kết luận định giá tài sản như trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Hồ Kim T, Hồ Xuân T1 và Lê Thị Kim M về hành vi “Hủy hoại tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Do đó, xét kháng cáo của của các bị cáo Hồ Kim T, Hồ Xuân T1 và Lê Thị Kim M cho rằng bản án sơ thẩm xét xử sai căn cứ pháp luật, xác định sai khách thể tội phạm, căn cứ vào các bản án dân sự có sai phạm nghiêm trọng và bỏ qua chứng cứ thật, gây oan sai cho các bị cáo và đề nghị hủy án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo Hồ Kim T 01 (một) năm tù, Hồ Xuân T1 09 (chín) tháng tù; Lê Thị Kim M 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Hồ Kim T, Hồ Xuân T1, bởi theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật hình sự, thấy rằng: Đối với bị cáo Hồ Kim T tuy có nhân thân xấu nhưng đã được xóa án tích và hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, giá trị tài sản bị hủy hoại là không lớn. Vì vậy bị cáo Hồ Kim T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Đối với bị cáo T1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự do giá trị tài sản bị hủy hoại không lớn.

Do đó, xét kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt của bị hại ông Hồ Kim G đối với bị cáo T là không có căn cứ nên không được chấp.

Xét nội dung kháng cáo kêu oan của các bị cáo Hồ Kim T, Hồ Xuân T1 và Lê Thị Kim M là không có cơ sở. Tuy nhiên, như đã nhận định trên các bị cáo T và T1 được hưởng thêm các tình tiết giảm mới mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo Hồ Kim T. Đối với bị cáo Hồ Xuân T1 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới, hành vi của bị cáo đóng vai trò thứ yếu, bị thực hiện hành vi phạm tội dưới sự điều hành, chỉ đạo của bị cáo T, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Đối với mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Lê Thị Kim M là thỏa đáng nên cần giữ nguyên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã quyết định.

[3] Về án phí: Các bị cáo Hồ Kim T, Hồ Xuân T1, Lê Thị Kim M và bị hại ông Hồ Kim G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Kim T, Hồ Xuân T1, Lê Thị Kim M đối với nội dung kêu oan và đề nghị hủy án sơ thẩm; Không chấp nhận nội dung kháng cáo bị hại ông Hồ Kim G về việc đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Hồ Kim T.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 21/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đắk Lắk về mức hình phạt đối với bị cáo Hồ Kim T; mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Hồ Xuân T1.

Tuyên bố: Các bị cáo Hồ Kim T, Hồ Xuân T1, Lê Thị Kim M phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

[2]. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

[2.1]. Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm h, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Kim T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2.2]. Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm h, i khoản 1 Điều 51; Khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Xuân T1 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[2.3]. Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim M 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lê Thị Kim M, Hồ Xuân T1 cho Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q; Các bị cáo Hồ Kim T, Hồ Xuân T1, Lê Thị Kim M và bị hại ông Hồ Kim G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa PTTAND Tối cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 13;
- VKSND khu vực 13;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My

